Đề lý thuyết 5:

1. **Mỗi tổ máy của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 được phân làm mấy nhánh? 0.2đ**
2. Chỉ có 1 nhánh.
3. **Có hai nhanh A, B.**
4. Có 3 nhánh A, B, C.
5. Có 4 nhánh A, B,C, D.
6. **Hệ thống lọc bụi của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 gồm bao nhiêu trường và tương ứng là bao nhiêu phễu tro:0.2đ**
7. 4 trường và 40 phễu tro.
8. 5 trường và 56 phễu tro.
9. 4 trường và 56 phễu tro.
10. **5 trường và 40 phễu tro.**
11. **Các cực phóng và cực lắng đặt cách nhau và ………… với nhau theo chiều đi của khói thải. Cực phóng nối với ………, cực lắng nối với………..0.2đ**
12. Vuông góc - cực âm - cực dương.
13. Vuông góc - cực dương - cực âm.
14. **Song song - cực âm - cực dương.**
15. Song song - cực dương - cực âm.
16. **Mỗi tổ máy của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 gồm bao nhiêu máy biến áp trường (chọn câu trả lời đúng nhất):0.2đ**
17. 16 máy biến áp.
18. 20 máy biến áp.
19. **16 máy biến áp thường và 4 máy biến áp cao tần.**
20. 20 máy biến áp thường và 4 máy biến áp cao tần.
21. **Lưu lượng khói lớn nhất đi vào hệ thống lọc bụi tĩnh điện theo thiết kế là bao nhiêu?0.2đ**
22. **Theo thiết kế: 3176882 m3/h.**
23. Theo thiết kế: 3567882 m3/h.
24. Theo thiết kế: 4076828 m3/h.
25. Theo thiết kế: 5067828 m3/h.
26. **Kiểu máy biến áp của trường số 1 là: 0.2đ**
27. **GGYAj-1,4A/72kV.**
28. GGYAj-1,8A/72kV.
29. GGAj-1,8A/72kV.
30. GGAj-1,4A/72kV.
31. **Kiểu máy biến áp của trường số 2,3,4 là: 0.2đ**
32. GGYAj-1,4A/72kV.
33. GGYAj-1,8A/72kV.
34. **GGAj-1,8A/72kV.**
35. GGAj-1,4A/72kV.
36. **Kiểu máy biến áp của trường số 5 là:0.2đ**
37. GGYAj-1,4A/72kV.
38. GGYAj-1,8A/72kV.
39. GGAj-1,8A/72kV.
40. **GGAj-1,4A/72kV.**
41. **Hiệu suất thu bụi của các trường lọc bụi 1, 2, 3, 4, 5 trong quá trình vận hành bình thường lần lượt là (tấn/ giờ):0.2đ**
42. 90,1 \_7,2\_1,8 \_0,5 \_ 0,15.
43. 10,11\_81,88 \_6,8 \_1,72 \_ 0,43.
44. **90,97\_ 7,56\_1,91\_0,48\_0,12.**
45. 89,5 \_ 6,9\_ 2,1 \_ 0,6\_0,12.
46. **Hiệu suất thu bụi của các trường lọc bụi 1, 2, 3, 4, 5 khi trường 1 bị sự cố lần lượt là (tấn/ giờ):0.2đ**
47. 90,1 \_7,2\_1,8 \_0,5 \_ 0,15.
48. **10,11\_81,88 \_6,8 \_1,72 \_ 0,43.**
49. 90,97\_ 7,56\_1,91\_0,48\_0,12.
50. 89,5 \_ 6,9\_ 2,1 \_ 0,6\_0,12.
51. **Trong quá trình vận hành máy biến áp trường ta thay đổi giá trị “current limit” trên màn hình DCS tức là thay đổi % giá trị:0.2đ**
52. Điện áp ngõ vào.
53. Dòng điện ngõ vào.
54. Điện áp ngõ ra.
55. **Dòng điện ngõ ra.**
56. **Máy biến áp trường số 1 có tần số cộng hưởng bao nhiêu:0.2đ**
57. 20 Hz.
58. 50 Hz.
59. **>= 20 kHz.**
60. >= 50 kHz.
61. **Khi lò ngừng, sau khi ngừng quạt gió chính và quạt khói thì thời gian tối thiểu là bao lâu có thể ngừng hệ thống búa rung:0.2đ**
62. Ngừng ngay sau khi ngừng quạt gió chính và quạt khói.
63. 30 phút sau khi quạt gió chính và quạt khói ngừng.
64. **2h-3h.**
65. Không thể ngừng, cho vận hành liên tục.
66. **Trước khi đưa máy biến áp trường vào vận hành thì dao tiếp địa phải chuyển về vị trí:0.2đ**
67. Ground.
68. **Field.**
69. Chọn “ground” hoặc “field”.
70. Không cần phải chọn.
71. **Nhiệt độ dầu máy biến áp trường 2, 3, 4, 5 tăng đến giá trị nào sẽ Trip máy biến áp trường:0.2đ**
72. 650C.
73. 700C.
74. **750C.**
75. 800C.
76. **Lượng tro bay sinh ra với loại than trong thiết kế là than Vietnam trong một tổ máy với công suất 622,5 MW là:0.2đ**
77. **92,24 tấn/ giờ.**
78. 116,68 tấn/ giờ.
79. 184,47 tấn/ giờ.
80. 233,36 tấn/ giờ.
81. **Áp suất khí nén vận chuyển tro bay là bao nhiêu thì hệ thống vận chuyển tro bay mới chạy tự động được:0.2đ**
82. >350 kPa.
83. **>=400 kPa.**
84. >450 kPa.
85. >500 kPa.
86. **Điều kiện để ngừng 1 đường ống vận chuyển tro ở chế độ tự động là:0.2đ**
87. Áp suất khí vận chuyển tro <=155 kPa.
88. Thời gian vận chuyển phải >= 4 phút 7 giây.
89. Áp suất khí vận chuyển tro <=150 kPa và thời gian vận chuyển tro phải >=4phút 7 giây.
90. **Áp suất khí vận chuyển tro <=155 kPa và thời gian vận chuyển tro phải >=4phút 7 giây.**
91. **Giá trị áp suất cài đặt khi suất hiện cảnh báo tắc tro “Pipe plug” trên 1 đường ống vận chuyển tro là bao nhiêu:0.2đ**
92. **380 kPa.**
93. 350 kPa.
94. 280 kPa.
95. 220 kPa.
96. **Trong một đường ống vận chuyển tro đang vận hành ở chế độ tự động thì 1 lần có thể vận chuyển được bao nhiêu “unit”:0.2đ**
97. **1.**
98. 2.
99. 3.
100. Tất cả các “unit” trong một đường ống.
101. **Tốc độ của động cơ quạt khói là bao nhiêu vòng/ phút:0.2đ**
102. 630.
103. 635.
104. 740.
105. **745.**
106. **Giá trị nhiệt độ cài đặt của ổ đở động cơ quạt khói (đầu dẫn động và không dẫn động) và ổ đỡ của quạt là bao nhiêu thì cho phép khởi động quạt khói:0.2đ**
107. **650C.**
108. 700C.
109. 750C.
110. 800C.
111. **Nhiệm vụ của hệ thống lọc bụi tĩnh điện là? 0.2đ**
112. Tách và thu hồi tro bay trong sản phẩm cháy (khói) để bảo vệ môi trường.
113. Chống mài mòn cánh của quạt khói.
114. Hạn chế tro bụi ảnh hưởng đến sự vận hành của hệ thống khử lưu huỳnh.
115. **Tất cả điều đúng.**
116. **Lọc bụi tĩnh điện là thiết bị làm sạch tro bụi trong khói theo nguyên lý:0.2đ**
117. Cảm ứng điện từ.
118. **Phóng điện trong điện môi.**
119. a, b điều đúng.
120. a, b sai.
121. **Việc tách tro bụi lơ lửng từ dòng khói bởi bộ lọc bụi tĩnh điện chủ yếu gồm các quá trình vật lý sau:0.2đ**
122. Ion hóa không khí, tích điện cho hạt tro bụi lơ lửng.
123. Sự di chuyển của tro bụi tích điện đến các điện cực trái dấu.
124. **Ion hóa không khí, tích điện cho hạt tro bụi lơ lửng, sự di chuyển của tro bụi tích điện đến các điện cực trái dấu, lắng tro bụi bám ở các điện cực.**
125. Tất cả ý trên sai.
126. **Điều 16 trong mục 1 của phần nhiệm vụ có nội dung gì?0.2đ**
127. Tham gia lập và tổ chức thực hiện phương thức vận hành tối ưu với thiết bị hiện có, đảm bảo sản xuất an toàn, liên tục, kinh tế.
128. **Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tiêu hao vật tư, hóa phẩm cho vận hành và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được trong ca.**
129. Thường xuyên theo dõi tiêu hao vật tư, kiểm tra hóa phẩm cho vận hành và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được trong ca.
130. Tham gia công việc sửa chữa và thử nghiệm thiết bị định kỳ, tổ chức diễn tập xử lý sự cố.
131. **Điều 24 trong mục 2 của phần quyền hạn có nội dung gì?0.2đ**
132. **Trực tiếp vận hành và xử lý các trường hợp không bình thường của thiết bị hệ thống ESP để hoàn thành nhiệm vụ trong ca vận hành.**
133. Có quyền yêu cầu những người lạ mặt, những người không phận sự ra khỏi nơi thuộc phạm vi mình quản lý.
134. Nộp lại bảng ghi thông số hằng ngày trước 6h00 trước khi ra ca đêm
135. Không ngừng học tập nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, chuyên môn, phát huy sáng kiếm, cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất.
136. **Chọn nội dung nào không đúng trong mục 2 của phần quyền hạn?0.2đ**
137. Trực tiếp vận hành và xử lý các trường hợp không bình thường của thiết bị hệ thống ESP để hoàn thành nhiệm vụ trong ca vận hành.
138. Có quyền yêu cầu những người lạ mặt, những người không phận sự ra khỏi nơi thuộc phạm vi mình quản lý.
139. Khi nhận lệnh cấp trên, nếu thấy lệnh đó có nguy cơ đe dọa đến an toàn tính mạng con người và thiết bị thì có quyền không thực hiện, đồng thời giải thích rõ cho người ra lệnh lý do, sau đó báo cáo lên trên một cấp và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành động của mình.
140. **Không ngừng học tập nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, chuyên môn, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất.**
141. **Hãy chọn câu đúng nhất trong phần trách nhiệm của VHV ESP nêu dưới đây?0.2đ**
142. **Thực hiện tốt tất cả quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong quy trình này và những quyền hạn có trong các nội quy khác của Phân xưởng.**
143. Có quyền yêu cầu những người lạ mặt, những người không phận sự ra khỏi nơi thuộc phạm vi mình quản lý.
144. Khi nhận lệnh cấp trên, nếu thấy lệnh đó có nguy cơ đe dọa đến an toàn tính mạng con người và thiết bị thì có quyền không thực hiện, đồng thời giải thích rõ cho người ra lệnh lý do, sau đó báo cáo lên trên một cấp và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành động của mình.
145. Không ngừng học tập nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, chuyên môn, phát huy sáng kiếm, cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất.
146. **Quyền hạn của vận hành viên ESP được quy định rõ từ điều mấy đến điều mấy?0.2đ**
147. Điều 24 đến điều 27.
148. **Điều 24 đến điều 28.**
149. Điều 23 đến điều 26.
150. Điều 23 đến điều 27.
151. **Trong khi chuẩn bị giao nhận ca mà có sự cố hỏa hoạn thì người nhận ca phải:0.2đ**
152. Nhanh chóng rút ra khỏi vị trí sản xuất để người trực ca đương nhiệm xử lý xong mới vào nhận ca.
153. Nhanh chóng cắt cầu dao điện các thiết bị điện và hổ trợ chữa cháy.
154. Trông coi và thao tác thiết bị để người trực ca đương nhiệm chữa cháy. Đảm bảo thiết bị vận hành bình thường.
155. **Sau khi trực ca cũ đã cắt điện các thiết bị thì người đến nhận ca cùng tham gia chữa cháy theo đúng quy trình PCCC đã ban hành và tuyệt đối không tự ý thực hiện bất kỳ thao tác nào khi chưa có sự đồng ý của nhân viên đang trực.**
156. **Theo quy trình giao nhận ca, người nhận ca phải có mặt tại vị trí sản xuất khi nào?0.2đ**
157. Trước 20 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (Phương thức vận hành, trình trạng làm việc…) thuộc phạm vi mình quản lý.
158. **Trước 30 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (Phương thức vận hành, trình trạng làm việc…) thuộc phạm vi mình quản lý.**
159. Trước 10 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (Phương thức vận hành, trình trạng làm việc …) thuộc phạm vi mình quản lý.
160. Có mặt tại vị trí sản xuất ngay lúc giao ca.
161. **Thủ tục giao nhận ca như thế nào là đúng?0.2đ**
162. **Người đến nhận ca ký tên vào sổ nhật ký vận hành sau đó đưa cho người trực ca trước ký vào.**
163. Người trực ca trước ký tên vào sổ nhật ký vận hành sau đó đưa cho người đến nhận ca ký vào.
164. Người đến nhận ca và người trực ca trước ai ký tên vào sổ nhật ký vận hành cũng được.
165. Người trực ca trước ký tên sẵn vào sổ nhật ký vận hành. Sau khi kiểm tra tình hình vận hành của thiết bị nếu thấy ổn định thì người đến nhận ca ký vào.
166. **Khi xảy ra mất mát tài sản hoặc những đe dọa sự cố trong lúc giao nhận ca mà không phát hiện dẫn đến sự phá hoại chế độ làm việc bình thường của thiết bị thì ai sẽ chịu trách nhiệm?0.2đ**
167. Người đến nhận ca.
168. Người trực ca đương nhiệm.
169. Cả người trực ca đương nhiệm và người đến nhận ca.
170. **Nếu người đến nhận ca đã ký tên nhận ca vào sổ nhật ký vận hành thì người đến nhận ca chịu trách nhiệm. Nếu người đến nhận ca chưa ký tên nhận ca vào sổ nhật ký vận hành thì người trực ca đương nhiệm chịu trách nhiệm.**
171. **Nếu hết giờ trực ca mà vẫn chưa có người nhận ca thì trực ca đương nhiệm phải làm gì?0.2đ**
172. Rời khỏi vị trí vận hành vì đã hết giờ trực ca.
173. Báo trưởng kíp đồng thời rời khỏi vị trí vận hành.
174. Vẫn tiếp tục trực ca thêm 30 phút, sau đó rời khỏi vị trí vận hành đồng thời báo cáo trưởng kíp.
175. **Báo cáo trưởng kíp đồng thời phải tiếp tục trực ca đến khi nào có nhân viên mới đến nhận ca.**
176. **Theo quy trình giao nhận ca, người giao ca phải trực tiếp kiểm tra tình trạng của thiết bị, vệ sinh thiết bị và nơi làm việc sạch sẽ khi nào?0.2đ**
177. **Trước lúc giao ca 1 giờ.**
178. Trước lúc giao ca 45 phút.
179. Trước lúc giao ca 30 phút.
180. Trước lúc giao ca 15 phút.
181. **Theo quy trình giao nhận ca, người giao ca phải báo cáo tình hình trước lúc giao ca, các chỉ tiêu kỹ thuật cho lò trưởng khi nào?0.2đ**
182. Trước giờ giao ca 1 giờ.
183. Trước giờ giao ca 30 phút.
184. **Trước giờ giao ca 15 phút.**
185. Ngay lúc giao ca.
186. **Khi xảy ra sự cố, đồng thời có mặt cán bộ quản lý kỹ thuật. Ai sẽ là người chịu trách nhiệm và thực hiện việc xử lý sự cố?0.2đ**
187. **Người đang trực ca đương nhiệm.**
188. Cán bộ quản lý kỹ thuật.
189. Nếu là ý kiến của cán bộ quản lý kỹ thuật thì cán bộ quản lý kỹ thuật chịu trách nhiệm và thực hiện.
190. Nếu là ý kiến của cán bộ quản lý kỹ thuật thì cán bộ quản lý kỹ thuật chịu trách nhiệm và trực ca đương nhiệm thực hiện.
191. **Khi đang xảy ra sự cố, khi đang tiến hành các thao tác phức tạp hoặc đang chuyển đổi vận hành mà đến giờ giao ca thì:0.2đ**
192. Giao nhận ca bình thường.
193. Không được giao nhận ca.
194. **Giao nhận ca khi được sự đồng ý của trưởng kíp.**
195. Khi đã xử lý xong sự cố, các thao tác chuyển đổi đã được thực hiện xong thì giao nhận ca bình thường.
196. **Trường hợp nào cấm giao nhận ca?0.2đ**
197. Giao nhận ca không đúng vị trí quy định, không đúng chức danh vận hành.
198. Người đến nhận ca đang ốm, say rượu, bia hoặc dùng các chất kích thích khác.
199. Ghi chép sổ sách chưa đầy đủ, không rõ ràng.
200. **Cả a, b, c đều đúng.**
201. **Hóa chất có thể xâm nhập vào cơ thể con người qua các đường:0.2đ**
202. Hô hấp, tiêu hóa và hấp thụ qua da.
203. Hô hấp, tiêu hóa và thị giác.
204. Hô hấp, tiêu hóa và xúc giác.
205. **Tất cả các ý đều đúng.**
206. **Hóa chất gây tác hại tới hệ thống các cơ quan trong cơ thể:0.2đ**
207. Tổn thương da.
208. Tổn thương nội tạng.
209. Tổn thương hệ thần kinh.
210. **Các ý đều đúng.**
211. **Khi làm việc với nhiêu liệu dầu, gas cần chú ý gì sau đây?0.2đ**
212. **Tắt nguồn các máy điện thoại di động; không hút thuốc hoặc bất cứ thao tác nào sinh ra nguồn nhiệt, tia lửa.**
213. Chất chữa cháy phù hợp luôn sẵn có và khả dụng.
214. Dùng vật dụng bàng kim loại màu để tránh sinh tia lửa.
215. Tất cả các ý đều đúng.
216. **Để phòng ngừa sự cố môi trường, Điều 86 Chương IX Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005 có quy định một số biện pháp phòng ngừa, đó là những biện pháp nào?0.2đ**
217. Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường.
218. Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường, tuân thủ quy định về an toàn lao động, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên.
219. Có trách nhiệm thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.
220. **Tất cả câu trên đều đúng.**
221. **Khi dán nhãn chất thải nguy hại, các thông tin cần có là gi?0.2đ**
222. Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707-2009 về “Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo”, mô tả về các nguy cơ do chất thải có thể gây ra.
223. Tên CTNH, mã CTNH theo Danh mục CTNH, tên và địa chỉ của chủ vận chuyển chất thải, mô tả về các nguy cơ do chất thải có thể gây ra, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707-2009 về “Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo”, ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.
224. Tên CTNH, mã CTNH theo Danh mục CTNH, tên và địa chỉ của chủ nguồn thải, ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.
225. **Câu a và c đúng.**
226. **Phòng cháy và chữa cháy là trách nhiệm của:0.2đ**
227. Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.
228. Các cơ quan có yêu cầu nghiêm ngặt ở PCCC.
229. Công an chữa cháy tại các địa phương.
230. **Mỗi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ CHXHCN Việt Nam.**
231. **Biện pháp cơ bản trong công tác chữa cháy:0.2đ**
232. Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.
233. Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.
234. Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.
235. **Cả 03 câu a, b, c.**
236. **Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm:0.2đ**
237. Báo cháy giả.
238. Lợi dụng hoạt động phòng cháy và chữa cháy để xâm hại đến tính mạng, sức khỏe con người, xâm hại tài sản Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân.
239. Tự ý thay đổi, di chuyển phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy, biển báo, biển chỉ dẫn và lối thoát nạn.
240. **Cả 03 câu trên.**
241. **Công dụng bình CO2:0.2đ**
242. **Chữa cháy các đám cháy nhỏ, môi trường tương đối kín gió và các đám cháy do điện. Sau khi dập tắt đám cháy không để lại dấu vết, không làm hư hỏng, ảnh hưởng đến chất cháy.**
243. Chữa cháy các đám cháy nhỏ, trong môi trường gió mạnh và các đám cháy do nhiệt.
244. Chữa cháy trong một số trường hợp đám cháy kim loại hay một số chất cháy trong quá trình cháy xảy ra không cần oxy.
245. Dùng để chữa các dám cháy rắn và lỏng như: xăng, dầu, khí cháy, gỗ, cao su, giấy.
246. **Những lưu lý khi sử dụng bình CO2:0.2đ**
247. Không sử dụng CO2 để chữa các đám cháy có than cốc, đám cháy có kim loại kiềm, kiềm thổ (Mg, Mn), bột nhôm, kim loại đang nóng chảy.
248. Không để khí CO2 phun vào người (gây bỏng lạnh). Không nên dùng CO2
249. chữa cháy nơi có gió mạnh vì hiệu quả thấp, tốn nhiều bình.
250. Tầm phun xa của bình CO2 có giới hạn, vì vậy khi chữa cháy phải tiếp cận gần đám cháy, bóp còi phun phải bóp dứt khoát, phun liên tục.
251. **Cả a, b, c.**